

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

Số: 141 /TTr-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bắc Kạn, ngày 15 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai
đoạn 2021-2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia
trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (lần 3)**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (lần 3), gồm các nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ ban hành Nghị quyết

- Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;
- Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;
- Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;
- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;
- Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều chỉnh Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;
- Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;
- Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ;
- Quyết định số 864/QĐ-TTg ngày 05/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 của các địa phương tại các Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022, số 147/QĐ-TTg ngày 23/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 1165/QĐ-BNNMT ngày 28/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung danh mục mô hình thí điểm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 22/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mục tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển và quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

- Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 07/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về mục tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển và quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

- Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 01/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định, điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn và hằng năm thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

- Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 01/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

- Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (lần 1);

- Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 18/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (lần 2).

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

- Ngày 05/5/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 864/QĐ-TTg về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 của các địa phương tại các Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022, số 147/QĐ-TTg ngày 23/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, tỉnh Bắc Kạn được bổ sung 200 triệu đồng vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, do đó cần xem xét phân bổ số kế hoạch vốn được bổ sung nêu trên.

- Ngày 28/4/2025, Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quyết định số 1165/QĐ-BNNMT về việc sửa đổi, bổ sung danh mục mô hình thí điểm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025; theo đó chỉ đạo dừng thực hiện Mô hình "Phát triển mô hình được liệu theo chuỗi giá trị gắn với văn hóa, tri thức bản địa của người Dao, xã Vi Hương, huyện Bạch Thông, tỉnh

Bắc Kạn" thuộc danh mục mô hình thí điểm đã được phê duyệt tại Quyết định số 799/QĐ-BNN-VPĐP ngày 08/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và chỉ đạo điều chuyển nguồn vốn đã bố trí thực hiện mô hình sang đầu tư thực hiện các nội dung khác của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, đảm bảo hiệu quả và phù hợp theo quy định của pháp luật.

Kế hoạch vốn thực hiện mô hình thí điểm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Bắc Kạn là 5.250 triệu đồng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ cho huyện Bạch Thông tại Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 01/8/2023 (trong đó năm 2024 giao 3.644 triệu đồng, năm 2025 giao 1.606 triệu đồng), do đó cần xem xét, phương án điều chỉnh đối với số kế hoạch vốn nêu trên.

- Một số dự án/địa phương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia sau khi triển khai, đã hoàn thành, quyết toán còn dư kế hoạch vốn, cần điều chỉnh sang cho các dự án/ địa phương có nhu cầu.

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ quy định về sửa đổi bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Lập, phê duyệt và giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm của cơ quan chủ quản chương trình.

a) Đối với việc lập kế hoạch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước ...”.

Với các nội dung trên, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (lần 3).

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích: Nghị quyết được xây dựng nhằm điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia cho các đơn vị, địa phương đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết: Xây dựng Nghị quyết đảm bảo đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2024, Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội, các Nghị định của Chính phủ: Số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022, số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 và các văn bản hướng dẫn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (lần 3); trên cơ sở đó giao Sở Tài chính chủ trì soạn thảo nghị quyết theo quy định.

Trên cơ sở rà soát của các đơn vị, địa phương, Sở Tài chính đã tổng hợp, xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (lần 3), báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 13/6/2025, đảm bảo trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

IV. BỐ CỤC CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Dự thảo Nghị quyết gồm 05 điều:

Điều 1. Điều chỉnh tên dự án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Điều chỉnh tên dự án Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số thuộc dự án thành phần số 06 thành dự án Đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử Đồi Khau Mạ (thôn bản Vèn) thuộc di tích lịch sử An toàn khu (ATK) Chợ Đồn, để phù hợp với tên dự án được phê duyệt tại Quyết định phê duyệt dự án số 1084/QĐ-UBND ngày 29/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Điều chỉnh chủ đầu tư tại nội dung giao kế hoạch vốn của dự án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Điều chỉnh chủ đầu tư của dự án Cải tạo, nâng cấp đường Quang Phong
- Đồng Xá: Chủ đầu tư đã giao: UBND huyện Na Rì; chủ đầu tư đề nghị điều chỉnh: UBND xã Quang Phong (UBND xã Côn Minh sau sắp xếp).

- Điều chỉnh chủ đầu tư của dự án Đường Quảng Bạch - Bản Thi: Chủ đầu tư đã giao: UBND huyện Chợ Đồn; Chủ đầu tư đề nghị điều chỉnh: UBND xã Quảng Bạch (UBND xã Quảng Bạch sau sắp xếp).

Điều 3. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

3.1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn: 34.932 triệu đồng (trong đó: NSTW là 32.370 triệu đồng; NSDP là 2.562 triệu đồng), cụ thể:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 16 dự án do cấp tỉnh điều hành: 29.425 triệu đồng (trong đó: NSTW là 27.218 triệu đồng; NSDP là 2.207 triệu đồng).

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn phân cấp huyện điều hành của 04 địa phương: 5.507 triệu đồng (trong đó: NSTW là 5.152 triệu đồng; NSDP là 355 triệu đồng).

3.2. Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn: 34.932 triệu đồng (trong đó: NSTW là 32.370 triệu đồng; NSDP là 2.562 triệu đồng), cụ thể:

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn của 01 dự án do cấp tỉnh điều hành: 34.742 triệu đồng (trong đó: NSTW là 32.370 triệu đồng; NSDP là 2.372 triệu đồng).

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn phân cấp huyện điều hành của huyện Na Rì: 190 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 01 kèm theo).

Điều 4. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

4.1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn phân cấp huyện điều hành của 03 địa phương: 6.704 triệu đồng (trong đó: NSTW là 6.274 triệu đồng; NSDP là 430 triệu đồng).

4.2. Điều chỉnh tăng dự phòng, phân bổ chi tiết sau: 6.904 triệu đồng (trong đó: NSTW là 6.474 triệu đồng; NSDP là 430 triệu đồng).

- Tăng từ phân vốn còn dư của các địa phương: 6.704 triệu đồng.

- Tăng do Trung ương bổ sung kế hoạch vốn trung hạn NSTW: 200 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 02 kèm theo).

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (lần 3), Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường;
- LĐVP;
- Lưu: VT, Hồng, TH_(Việt).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đăng Bình

THUYẾT MINH MỘT SỐ NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN

(Kèm theo Tờ trình số: 141/TTr-UBND ngày 15/6/2025 của UBND tỉnh)

I. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn: 34.932 triệu đồng.

1.1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 16 dự án do cấp tỉnh điều hành:
29.425 triệu đồng

(1) Dự án Cấp nước sinh hoạt tập trung vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Kạn năm 2022: Giảm 1.995 triệu đồng.

Dự án được phê duyệt với TMĐT là 66.561 triệu đồng (luỹ kế kế hoạch vốn giao đến nay được 65.450 triệu đồng, giải ngân được 63.783 triệu đồng); dự án đã hoàn thành, đang thực hiện quyết toán; số vốn còn dư, không có khả năng giải ngân là 1.995 triệu đồng, chủ đầu tư đề nghị điều chỉnh giảm.

(2) Dự án Cấp nước sinh hoạt tập trung vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Kạn năm 2023-2025: Giảm 3.656 triệu đồng.

Dự án được phê duyệt với TMĐT là 59.531 triệu đồng (luỹ kế kế hoạch vốn giao đến nay được 56.252 triệu đồng, giải ngân được 53.005 triệu đồng); dự án đã hoàn thành, đang thực hiện quyết toán; số vốn còn dư, không có khả năng giải ngân là 3.656 triệu đồng, chủ đầu tư đề nghị điều chỉnh giảm.

(3) Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư tại chỗ xã Công Bằng, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn: Giảm 2.117 triệu đồng.

Dự án được phê duyệt với TMĐT là 10.000 triệu đồng (luỹ kế kế hoạch vốn giao đến nay được 7.000 triệu đồng, giải ngân được 7.000 triệu đồng); dự án đã hoàn thành, đang thực hiện quyết toán; số vốn còn dư, không có khả năng giải ngân là 2.117 triệu đồng, chủ đầu tư đề nghị điều chỉnh giảm.

(4) Dự án Bố trí, ổn định dân cư tại chỗ các thôn thuộc xã Thượng Quan, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn: Giảm 2.500 triệu đồng.

Dự án được phê duyệt với TMĐT là 50.000 triệu đồng (luỹ kế kế hoạch vốn giao đến nay được 47.500 triệu đồng, giải ngân được 47.500 triệu đồng); dự án đã hoàn thành, đang thực hiện quyết toán; số vốn còn dư, không có khả năng giải ngân là 2.500 triệu đồng, chủ đầu tư đề nghị điều chỉnh giảm.

(5) Dự án bố trí ổn định dân cư tại chỗ thôn Nà Ngụộc và thôn Khau Lôm, xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới: Giảm 3.605 triệu đồng.

Dự án được phê duyệt với TMĐT là 12.500 triệu đồng (luỹ kế kế hoạch vốn giao đến nay được 11.497 triệu đồng, giải ngân được 8.745 triệu đồng); dự án đã hoàn thành, đang thực hiện quyết toán; số vốn còn dư, không có khả năng giải ngân là 3.605 triệu đồng, chủ đầu tư đề nghị điều chỉnh giảm.

(6) Dự án bố trí ổn định dân cư tại chỗ các thôn thuộc xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn: Giảm 2.811 triệu đồng.

Dự án được phê duyệt với TMĐT là 37.615 triệu đồng (luỹ kế kế hoạch vốn giao đến nay được 35.674 triệu đồng, giải ngân được 34.742 triệu đồng); dự án đã hoàn thành, đang thực hiện quyết toán; số vốn còn dư, không có khả năng giải ngân là 2.811 triệu đồng, chủ đầu tư đề nghị điều chỉnh giảm.

(7) Dự án bố trí ổn định dân cư tại chỗ thôn Đông Dăm, xã Hà Hiệu, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn: Giảm 2.417 triệu đồng.

Dự án được phê duyệt với TMĐT là 13.500 triệu đồng (luỹ kế kế hoạch vốn giao đến nay được 12.222 triệu đồng, giải ngân được 10.867 triệu đồng); dự án đã hoàn thành, đang thực hiện quyết toán; số vốn còn dư, không có khả năng giải ngân là 2.417 triệu đồng, chủ đầu tư đề nghị điều chỉnh giảm.

(8) Dự án Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Nà Hoi, xã Phúc Lộc, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn: Giảm 5.723 triệu đồng.

Dự án được phê duyệt với TMĐT là 27.000 triệu đồng (luỹ kế kế hoạch vốn giao đến nay được 21.277 triệu đồng, giải ngân được 12.056 triệu đồng); dự án đã hoàn thành, đang thực hiện quyết toán; số vốn còn dư, không có khả năng giải ngân là 5.273 triệu đồng, chủ đầu tư đề nghị điều chỉnh giảm.

(9) Bố trí, ổn định dân cư tại chỗ các thôn thuộc xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn: Giảm 721 triệu đồng.

Dự án được phê duyệt với TMĐT là 12.453 triệu đồng (luỹ kế kế hoạch vốn giao đến nay được 11.864 triệu đồng, giải ngân được 11.672 triệu đồng); dự án đã hoàn thành, đang thực hiện quyết toán; số vốn còn dư, không có khả năng giải ngân là 721 triệu đồng, chủ đầu tư đề nghị điều chỉnh giảm.

(10) Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2022: Giảm 467 triệu đồng.

Dự án được phê duyệt với TMĐT là 10.370 triệu đồng; dự án đã hoàn thành, được phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 1596/QĐ-UBND ngày 29/4/2024 với giá trị là 9.903 triệu đồng (trong đó: giá trị quyết toán 9.804 triệu đồng, phải thu hồi 99 triệu đồng); số vốn còn dư là 467 triệu đồng cần xem xét điều chỉnh giảm.

(11) Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2023-2025: Giảm 758 triệu đồng.

Dự án được phê duyệt với TMĐT là 8.072 triệu đồng; dự án đã hoàn thành, được phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 19/5/2025 với giá trị là 7.105 triệu đồng (trong đó: giá trị quyết toán 7.089 triệu đồng, phải thu hồi 16 triệu đồng); số vốn còn dư là 967 triệu đồng, tuy nhiên giai đoạn 2022-2024 đã giao 7.314 triệu đồng và năm 2025 giao 758 triệu đồng, do đó chỉ thực hiện điều chỉnh giảm đối với số vốn giao năm 2025.

(12) Dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị chợ các trạm y tế xã đảm bảo đạt chuẩn: Giảm 616 triệu đồng.

Dự án được phê duyệt với TMĐT là 3.209 triệu đồng (luỹ kế kế hoạch vốn giao đến nay được 3.209 triệu đồng, giải ngân được 2.511 triệu đồng); dự án đã hoàn thành, đang thực hiện quyết toán; số vốn còn dư, không có khả năng giải ngân là 616 triệu đồng, chủ đầu tư đề nghị điều chỉnh giảm.

(13) Cải tạo, nâng cấp đường Quang Phong - Đồng Xá: Giảm 604 triệu đồng.

Dự án được phê duyệt với TMĐT là 25.466 triệu đồng; dự án đã hoàn thành, được phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 18/10/2024 với giá trị quyết toán 24.862 triệu đồng, số vốn còn dư là 604 triệu đồng cần xem xét điều chỉnh giảm.

(14) Đường Yên Cư - Cao Kỳ: Giảm 1.051 triệu đồng.

Dự án được phê duyệt với TMĐT là 24.240 triệu đồng (luỹ kế kế hoạch vốn giao đến nay được 23.400 triệu đồng, giải ngân được 22.914 triệu đồng); dự án đã hoàn thành, đang thực hiện quyết toán; số vốn còn dư, không có khả năng giải ngân là 1.051 triệu đồng, chủ đầu tư đề nghị điều chỉnh giảm.

(15) Đường liên xã Quang thuận huyện Bạch Thông - xã Mai Lạp Chợ Mới: Giảm 304 triệu đồng.

Dự án được phê duyệt với TMĐT là 12.051 triệu đồng; dự án đã hoàn thành, được phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 03/12/2024 với giá trị là 11.744 triệu đồng (trong đó: giá trị quyết toán 11.741 triệu đồng, phải thu hồi 3 triệu đồng), số vốn còn dư là 307 triệu đồng; tuy nhiên giai đoạn 2022-2024 đã giao 11.747 triệu đồng, số vốn chưa thực hiện giao là 304 triệu đồng, do đó chỉ thực hiện điều chỉnh giảm kế hoạch trung hạn đối với số vốn chưa thực hiện giao.

(16) Đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử Đồi Khau Mạ (thôn bản Vèn) thuộc di tích lịch sử An toàn khu (ATK) Chợ Đồn: Giảm 80 triệu đồng.

Dự án được giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn là 10.269 triệu đồng; dự án được phê duyệt đầu tư tại Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 29/5/2025 với TMĐT là 10.189 triệu đồng, còn dư 80 triệu đồng.

1.2. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn phân cấp huyện điều hành của 04 địa phương (Huyện Chợ Mới; huyện Bạch Thông; thành phố Bắc Kạn; huyện Chợ Đồn): 5.507 triệu đồng; do các dự án cấp huyện đã được phê duyệt, triển khai còn dư kế hoạch vốn, địa phương không có nhu cầu thực hiện, đề nghị điều chỉnh giảm.

2. Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn: 34.928 triệu đồng

2.1. Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn phân cấp huyện điều hành của huyện Na Rì: 190 triệu đồng.

UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh điều chỉnh bổ sung 190 triệu đồng cho huyện Na Rì tại Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 08/5/2025 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương lần 16, đề nghị điều chỉnh trong kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia để đảm bảo cho thống nhất.

2.2. Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn cho 01 dự án: 34.742 triệu đồng.

Dự án Trung tâm y tế huyện Ngân Sơn huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn: Dự án được phê duyệt với tổng mức đầu tư là 137.969 triệu đồng, trong đó: Nguồn vốn thực hiện CTMTQG đã bố trí là 62.969 triệu đồng; Nguồn vốn ngân sách địa phương đã bố trí là 61.492 triệu đồng (Thu tiền sử dụng đất: 2.537 triệu đồng; tăng thu tiết kiệm chi 9.155 triệu đồng; chi đầu tư khác 49.800 triệu đồng), còn 13.508 triệu đồng chưa được bố trí (do tỉnh bị hụt thu tiền sử dụng đất). Do đó, cần phải bố trí bổ sung 13.508 triệu đồng cho dự án.

Bên cạnh đó, do số kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn còn dư của các dự án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi lớn (34.742 triệu đồng), trong khi các dự án đều đã được bố trí đủ kế hoạch vốn theo TMĐT hoặc theo giá trị dự kiến hoàn thành, quyết toán. Do đó đề nghị giao toàn bộ số kế hoạch vốn còn dư cho dự án Trung tâm y tế huyện Ngân Sơn huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

UBND tỉnh sẽ tham mưu HĐND tỉnh điều chỉnh giảm kế hoạch vốn từ các nguồn vốn ngân sách địa phương đã bố trí cho dự án Trung tâm y tế huyện Ngân Sơn huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn, để đảm bảo tổng kế hoạch vốn được bố trí không vượt TMĐT theo quyết định phê duyệt dự án. Số vốn ngân sách địa phương còn dư dự án sẽ điều chỉnh bổ sung cho các dự án còn thiếu vốn của tỉnh.

II. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn phân cấp huyện điều hành của 03 địa phương: 6.704 triệu đồng.

1.1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn thực hiện mô hình thí điểm OCOP của huyện Bạch Thông: 1.606 triệu đồng.

Ngày 28/4/2025, Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quyết định số 1165/QĐ-BNNMT chỉ đạo dừng thực hiện Mô hình "Phát triển mô hình được liệt theo chuỗi giá trị gắn với văn hóa, tri thức bản địa của người Dao, xã Vi Hương, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn" và chỉ đạo điều chuyển nguồn vốn đã bố trí thực hiện mô hình sang đầu tư thực hiện các nội dung khác của Chương trình.

Tổng kế hoạch vốn thực hiện mô hình thí điểm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Bắc Kạn là 5.250 triệu đồng đã được HĐND tỉnh phân bổ cho huyện Bạch Thông tại Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 01/8/2023, trong đó năm 2024 giao 3.644 triệu đồng, năm 2025

giao 1.606 triệu đồng. Do đó, chỉ thực hiện điều chỉnh giảm đối với kế hoạch vốn giao năm 2025, giảm 1.606 triệu đồng.

1.2. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn phân cấp huyện điều hành của 03 địa phương (*Huyện Chợ Mới; huyện Bạch Thông; thành phố Bắc Kạn*): 5.098 triệu đồng; do các dự án cấp huyện đã được phê duyệt, triển khai còn dư kế hoạch vốn, địa phương không có nhu cầu thực hiện, đề nghị điều chỉnh giảm.

2. Điều chỉnh tăng dự phòng, phân bổ chi tiết sau: 6.904 triệu đồng

Hiện nay các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới của các địa phương đã được triển khai và bố trí đủ kế hoạch vốn thực hiện theo quy định. Các địa phương đang thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền 02 cấp nên chưa có nhu cầu đề xuất bổ sung danh mục mới. Do đó đề nghị chuyển số vốn còn dư và số vốn được trung ương mới bổ sung về dự phòng, phân bổ sau (sau khi sắp xếp xong đơn vị cấp xã).

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Tờ trình số 141/TT-UBND ngày 15/6/2025 của UBND tỉnh Bắc Kan)

DVT: Triệu đồng

TT	Tên dự án, công trình	Dự kiến thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (nếu có)			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Đề nghị điều chỉnh				Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện đã giao	Chủ đầu tư đề nghị điều chỉnh	Ghi chú
			Tổng	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Giảm		Tăng		Tổng số	Trong đó:				
				Nguồn vốn ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)			
	TỔNG					1.669.651	1.576.720	92.931	-32.370	-2.562	32.370	2.562	1.669.651	1.576.720	92.931			
A	TÍNH ĐIỀU HÀNH					768.555	722.790	45.765	-27.218	-2.207	32.370	2.372	773.872	727.942	45.930			
I	DỰ ÁN 1 - GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIẾU ĐẤT Ở, NHÀ Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT					126.092	121.865	4.227	-5.651	0	0	0	120.441	116.214	4.227			
	Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt					126.092	121.865	4.227	-5.651	0			120.441	116.214	4.227			
1	Dự án Cấp nước sinh hoạt tập trung vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Kạn năm 2022	2022-2025	1394/QĐ-UBND ngày 27/7/2022; số 577/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	66.561	63.566	2.995	66.561	63.566	2.995	-1.995			64.566	61.571	2.995	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT		
2	Dự án Cấp nước sinh hoạt tập trung vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Kạn năm 2023 - 2025	2023-2025	2586/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	59.531	58.299	1.232	59.531	58.299	1.232	-3.656			55.875	54.643	1.232	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT		
II	DỰ ÁN 2 - QUY HOẠCH, SẮP XẾP, BỐ TRÍ, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ Ở NHỮNG NƠI CẦN THIẾT			163.158	155.213	7.945	163.158	155.213	7.945	-19.131	-763		143.264	136.082	7.182			
1	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư tại chỗ xã Công Bằng, huyện Pắc Nặm, tỉnh Bắc Kạn	2022-2024	2054/QĐ-UBND ngày 24/10/2022; 937/QĐ-UBND ngày 30/5/2024	10.000	9.500	500	10.000	9.500	500	-2.117			7.883	7.383	500	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT		
2	Dự án Bố trí, ổn định dân cư tại chỗ các thôn thuộc xã Thượng Quan, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn	2022-2024	2084/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	50.000	47.665	2.335	50.000	47.665	2.335	-2.500			47.500	45.165	2.335	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT		
3	Dự án bố trí ổn định dân cư tại chỗ thôn Nà Ngườc và thôn Khau Lôm, xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới	2023-2025	1719/QĐ-UBND ngày 25/9/2023	12.500	11.800	700	12.500	11.800	700	-3.065	-540		8.895	8.735	160	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT		
4	Dự án bố trí ổn định dân cư tại chỗ các thôn thuộc xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn	2023-2025	1861/QĐ-UBND ngày 13/10/2023	37.615	35.733	1.882	37.615	35.733	1.882	-2.793	-18		34.804	32.940	1.864	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT		
5	Dự án bố trí ổn định dân cư tại chỗ thôn Đông Đám, xã Hà Hiệu, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	2023-2025	2227/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	13.500	12.825	675	13.500	12.825	675	-2.254	-163		11.083	10.571	512	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT		
6	Dự án: Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Nà Hoi, xã Phúc Lộc, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	2022-2025	635/QĐ-UBND ngày 12/4/2023	27.000	25.650	1.350	27.000	25.650	1.350	-5.723			21.277	19.927	1.350	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT		
7	Bố trí, ổn định dân cư tại chỗ các thôn thuộc xã Đồn Phong, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn	2023-2025	2236/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	12.543	12.040	503	12.543	12.040	503	-679	-42		11.822	11.361	461	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT		
III	DỰ ÁN 3 - PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG, PHÁT HUY TIỀM NĂNG THỂ MẠNH CÁC VÙNG MIỀN ĐỂ SẢN XUẤT HÀNG HÓA THEO CHUỖI GIÁ TRỊ					36.058	34.340	1.718	0	0	0	0	36.058	34.340	1.718			
1	Dự án đầu tư hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý tại huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn, thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025	2022-2025	194/QĐ-UBND ngày 02/2/2024	36.058	34.340	1.718	36.058	34.340	1.718				36.058	34.340	1.718	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
IV	DỰ ÁN 4 - ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG VÙNG ĐỒNG BÀO ĐTT&MN					176.170	157.013	19.157	-2.436	-1.364			172.370	154.577	17.793			

TT	Tên dự án, công trình	Dự kiến thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (nếu có)			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Đề nghị điều chỉnh				Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện đã giao	Chủ đầu tư đề nghị điều chỉnh	Ghi chú	
				Tổng	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Giảm		Tăng		Tổng số	Trong đó:				
					Nguồn vốn ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Ngân sách TW				Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)
IV.1	Nội dung số 02: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi						33.294	31.708	1.586	-1.085	-140	0	0	32.069	30.623	1.446			
1	Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, chương trình MTQG phát triển KT – XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2022	2022-2024	1962/QĐ-UBND ngày 13/10/2022	10.370	9.852	518	10.370	9.852	518	-418	-49			9.903	9.434	469	Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
2	Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chương trình MTQG phát triển KT – XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2023-2025	2023-2025	870/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	8.072	7.668	404	8.072	7.668	404	-667	-91			7.314	7.001	313	Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
3	Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chương trình MTQG phát triển KT – XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2024-2025	2023-2025	1693/QĐ-UBND ngày 02/10/2024	14.852	14.188	664	14.852	14.188	664					14.852	14.188	664	Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
IV.2	Nội dung 3: Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị cho các trạm y tế xã bảo đảm đạt chuẩn						3.209	3.056	153	-511	-105	0	0	2.593	2.545	48			
1	Dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị cho các trạm y tế xã đảm bảo đạt chuẩn	2023-2025	1914/QĐ-UBND ngày 19/10/2023	3.209	3.056	153	3.209	3.056	153	-511	-105			2.593	2.545	48	Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
IV.3	Nội dung 4: Đầu tư củng cố đường đến trung tâm xã chưa được cứng hóa; ưu tiên đầu tư đối với các xã chưa có đường từ trung tâm huyện đến trung tâm xã, đường liên xã (từ trung tâm xã đến trung tâm xã)						139.667	122.249	17.418	-840	-1.119	0	0	137.708	121.409	16.299			
1	Đường Nông Hạ - Khe Thi: ĐH.75	2022-2024	1873/QĐ-UBND ngày 06/10/2022	14.686	12.771	1.915	14.519	12.771	1.748					14.519	12.771	1.748	Ban QLDA ĐTXD CTGT		
2	Đường liên xã Cao Sơn - Mỹ Thanh, huyện Bạch Thông	2022-2024	1863/QĐ-UBND ngày 04/10/2022	23.878	21.416	2.462	23.878	21.416	2.462					23.878	21.416	2.462	Ban QLDA ĐTXD CTGT		
3	Đường Bình Trung-Trung Minh (Tuyên Quang)	2022-2024	1845/QĐ-UBND ngày 30/9/2022)	10.506	9.136	1.370	10.217	9.136	1.081					10.217	9.136	1.081	Ban QLDA ĐTXD CTGT		
4	Đường từ trung tâm xã Cốc Đán, huyện Ngân Sơn đến xã Thành Công, huyện Nguyên Bình	2022-2024	1758/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	7.025	6.109	916	6.678	6.109	569					6.678	6.109	569	Ban QLDA ĐTXD CTGT		
5	Đường liên thôn Phiêng Gián (xã Phúc Lộc) - Lũng Pấu (Yên Dương)	2022-2024	2214/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	5.193	4.576	617	4.930	4.576	354					4.930	4.576	354	Ban QLDA ĐTXD CTGT		
6	Đường Nghiên Loan - Cổ Linh	2022-2024	1619/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	8.096	7.040	1.056	7.688	7.040	648					7.688	7.040	648	Ban QLDA ĐTXD CTGT		
7	Cải tạo, nâng cấp đường Quang Phong - Đồng Xá	2022-2024	2005/QĐ-UBND ngày 19/10/2022	25.466	22.400	3.066	25.466	22.400	3.066		-604			24.862	22.400	2.462	UBND huyện Na Rì	UBND xã Quang Phong	
8	Đường Yên Cú - Cao Kỳ	2023-2025	1066/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	24.240	21.078	3.162	24.240	21.078	3.162	-840	-211			23.189	20.238	2.951	Ban QLDA ĐTXD CTGT		
9	Đường liên xã Quang thuận huyện Bạch Thông - xã Mai Lạp Chợ Mới	2023-2025	967/QĐ-UBND ngày 05/6/2023	12.051	10.479	1.572	12.051	10.479	1.572		-304			11.747	10.479	1.268	Ban QLDA ĐTXD CTGT		
10	Đường Quảng Bạch - Bản Thi	2024-2025	2520/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	12.000	7.244	2.756	10.000	7.244	2.756					10.000	7.244	2.756	UBND huyện Chợ Đồn	UBND xã Quảng Bạch	
V	DỰ ÁN 5: PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO NĂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC						158.200	150.667	7.533	0	0			158.200	150.667	7.533			
1	Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông cơ học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Chương trình MTQG phát triển KT – XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2022	2022-2025	2034/QĐ-UBND ngày 21/10/2022	52.171	49.667	2.504	52.171	49.667	2.504					52.171	49.667	2.504	Ban QLDA ĐTXD tỉnh		

TT	Tên dự án, công trình	Dự kiến thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (nếu có)			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Đề nghị điều chỉnh				Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện đã giao	Chủ đầu tư đề nghị điều chỉnh	Ghi chú		
				Tổng	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Giảm		Tăng		Tổng số	Trong đó:					
					Nguồn vốn ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Ngân sách TW				Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	
2	Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Chương trình MTQG phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2023-2025	2023-2025	1913/QĐ-UBND ngày 19/10/2023	106.029	101.000	5.029	106.029	101.000	5.029					106.029	101.000	5.029	Ban QLDA DTXD tỉnh			
VI	DỰ ÁN 6: BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THÔNG TỐT ĐẸP CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH						45.908	43.722	2.186	0	-80			45.828	43.722	2.106				
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi						8.427	7.987	440					8.427	7.987	440	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch			
2	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản, văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số						20.407	19.435	972					20.407	19.435	972	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch			
3	Đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử Đồi Khau Mạ (thôn bản Vén) thuộc di tích lịch sử An toàn khu (ATK) Chợ Đồn (trước đây là Hồ trợ tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số)	2023-2025	1084/QĐ-UBND ngày 29/5/2025	10.189	9.780	409	10.269	9.780	489			-80		10.189	9.780	409	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch		Điều chỉnh tên dự án theo Quyết định phê duyệt	
4	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi						6.805	6.520	285					6.805	6.520	285				
VII	DỰ ÁN 7: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN, NÂNG CAO THỂ TRẠNG, TÂM VỐC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ; PHÒNG CHỐNG SUY DINH DƯỠNG TRẺ EM						62.969	59.970	2.999	0	0	32.370	2.372	97.711	92.340	5.371				
1	Trung tâm y tế huyện Ngân Sơn huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn	2022-2025	2035/QĐ-UBND ngày 21/10/2022; 1783/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	137.969	59.970	2.999	62.969	59.970	2.999				32.370	2.372	97.711	92.340	5.371	Ban QLDA DTXD tỉnh		
VIII	Dự phòng													0	0	0				
B	PHÂN CẤP HUYỆN ĐIỀU HÀNH						901.096	853.930	47.166	-5.152	-355	0	190	895.779	848.778	47.001				
I	DỰ ÁN 1 - GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIẾU ĐẤT Ở, NHÀ Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT						87.397	79.025	8.372	-2.240	-232	0	190	85.115	76.785	8.330				
	Nội dung 1, 2, 3: Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất - phân cấp huyện điều hành						87.397	79.025	8.372	-2.240	-232	0	190	85.115	76.785	8.330				
1	Huyện Chợ Mới						9.874	8.978	896					9.874	8.978	896	UBND Huyện Chợ Mới			
2	Huyện Chợ Đồn						9.313	8.485	828					9.313	8.485	828	UBND huyện Chợ Đồn			
3	Huyện Ngân Sơn						10.811	9.835	976					10.811	9.835	976	UBND huyện Ngân Sơn			
4	Huyện Bạch Thông						9.254	8.430	824	-2.240	-232			6.782	6.190	592	UBND huyện Bạch Thông			
5	Huyện Na Rì						12.259	10.860	1.399				190	12.449	10.860	1.589	UBND huyện Na Rì			
6	Huyện Pác Nặm						17.651	15.850	1.801					17.651	15.850	1.801	UBND huyện Pác Nặm			
7	Huyện Ba Bể						18.236	16.588	1.648					18.236	16.588	1.648	UBND huyện Ba Bể			

TT	Tên dự án, công trình	Dự kiến thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (nếu có)			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Đề nghị điều chỉnh				Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện đã giao	Chủ đầu tư đề nghị điều chỉnh	Ghi chú	
				Tổng	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Giảm		Tăng		Tổng số	Trong đó:				
					Nguồn vốn ngân sách Trung ương	Đổi ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Ngân sách TW	Đổi ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW	Đổi ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW	Đổi ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Ngân sách TW				Đổi ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)
II	DỰ ÁN 4 - ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN					790.859	753.203	37.656	-2.660	-110	0	0	788.089	750.543	37.546				
	Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu cùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã DBKK, thôn DBKK					790.859	753.203	37.656	-2.660	-110	0	0	788.089	750.543	37.546				
1	Huyện Chợ Mới					94.569	90.066	4.503	-627	-25			93.917	89.439	4.478	UBND Huyện Chợ Mới			
2	Huyện Chợ Đồn					124.182	118.274	5.908					124.182	118.274	5.908	UBND huyện Chợ Đồn			
3	Huyện Ngân Sơn					92.936	88.510	4.426					92.936	88.510	4.426	UBND huyện Ngân Sơn			
4	Huyện Bạch Thông					99.142	94.421	4.721	-1.553	-65			97.524	92.868	4.656	UBND huyện Bạch Thông			
5	Huyện Na Rì					154.894	147.518	7.376					154.894	147.518	7.376	UBND huyện Na Rì			
6	Huyện Pắc Nặm					101.338	96.512	4.826					101.338	96.512	4.826	UBND huyện Pắc Nặm			
7	Huyện Ba Bể					122.293	116.469	5.824					122.293	116.469	5.824	UBND huyện Ba Bể			
8	Thành phố Bắc Kạn					1.505	1.433	72	-480	-20			1.005	953	52	UBND thành phố Bắc Kạn			
III	DỰ ÁN 10: TRUYỀN THÔNG, TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ, KIỂM TRA GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ VIỆC TỎ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH					22.840	21.702	1.138	-252	-13	0	0	22.575	21.450	1.125				
	Tiêu đề dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi												0	0	0				
1	Huyện Chợ Mới					1.713	1.627	86					1.713	1.627	86	UBND Huyện Chợ Mới			
2	Huyện Chợ Đồn					2.000	1.900	100	-252	-13			1.735	1.648	87	UBND huyện Chợ Đồn			
3	Huyện Ngân Sơn					900	838	62					900	838	62	UBND huyện Ngân Sơn			
4	Huyện Bạch Thông					1.110	1.054	56					1.110	1.054	56	UBND huyện Bạch Thông			
5	Huyện Na Rì					8.665	8.252	413					8.665	8.252	413	UBND huyện Na Rì			
6	Huyện Pắc Nặm					6.573	6.260	313					6.573	6.260	313	UBND huyện Pắc Nặm			
7	Huyện Ba Bể					1.879	1.771	108					1.879	1.771	108	UBND huyện Ba Bể			

BIỂU CHỈNH VỐN, ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Tờ trình số ~~141~~ /TTr-UBND ngày 15/6/2025 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

DVT: Triệu đồng

TT	ĐỊA PHƯƠNG	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Đề nghị điều chỉnh				Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Tổng	Trong đó:		Giảm		Tăng		Tổng số	Trong đó:		
			NSTW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng	Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	
	TỔNG CỘNG (Nội dung thành phần số 2)	495.142	450.580	44.562	-6.274	-430	6.474	430	495.342	450.780	44.562	
	PHÂN CẤP HUYỆN ĐIỀU HÀNH	495.142	450.580	44.562	-6.274	-430	6.474	430	495.342	450.780	44.562	
1	Huyện Pác Nặm	44.348	42.236	2.112					44.348	42.236	2.112	
2	Huyện Ngân Sơn	18.037	17.149	888					18.037	17.149	888	
3	Huyện Chợ Đồn	193.014	163.349	29.665					193.014	163.349	29.665	
4	Huyện Chợ Mới	54.341	51.474	2.867	-148	-6			54.187	51.326	2.861	
5	Huyện Ba Bể	33.428	31.833	1.595					33.428	31.833	1.595	
6	Huyện Bạch Thông	116.283	110.623	5.660	-5.455	-392			110.436	105.168	5.268	
7	Huyện Na Rì	28.024	26.617	1.407					28.024	26.617	1.407	
8	Thành phố Bắc Kạn	7.666	7.298	368	-671	-32			6.963	6.627	336	
9	Dự phòng						6.474	430	6.904	6.474	430	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày

tháng 6 năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia
trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (lần 3)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHOÁ X, KỲ HỌP**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23 ngày 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 864/QĐ-TTg ngày 05/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 của các địa phương tại các Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022, số 147/QĐ-TTg ngày 23/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 01/8/2023 phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh (điều chỉnh lần 1); Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 18/7/2024 của HĐND tỉnh (điều chỉnh lần 2);

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (lần 3); Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày /6/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Điều chỉnh tên dự án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

(Chi tiết tại biểu số 01 kèm theo)

Điều 2. Điều chỉnh chủ đầu tư tại nội dung giao kế hoạch vốn của dự án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

(Chi tiết tại biểu số 02 kèm theo)

Điều 3. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn: 34.932 triệu đồng (trong đó: NSTW là 32.370 triệu đồng; NSDP là 2.562 triệu đồng).

2. Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn: 34.932 triệu đồng (trong đó: NSTW là 32.370 triệu đồng; NSDP là 2.562 triệu đồng).

(Chi tiết tại biểu số 03 kèm theo)

Điều 4. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn phân cấp huyện điều hành của 03 địa phương: 6.704 triệu đồng (trong đó: NSTW là 6.274 triệu đồng; NSDP là 430 triệu đồng).

2. Điều chỉnh tăng dự phòng, phân bổ chi tiết sau: 6.904 triệu đồng (trong đó: NSTW là 6.474 triệu đồng; NSDP là 430 triệu đồng).

(Chi tiết tại biểu số 04 kèm theo)

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và hướng dẫn thực hiện chuyển tiếp đối với thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khoá X, kỳ họp thông qua ngày .. tháng .. năm 2025/.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Kạn;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (Thành) ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- LDVP;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

Phương Thị Thanh

Biểu số 01

**ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC DỰ ÁN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN
KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

TT	Tên dự án đã giao	Tên dự án sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
1	DỰ ÁN 6: BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH		
1	Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	Đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử Đồi Khau Mạ (thôn bản Vèn) thuộc di tích lịch sử An toàn khu (ATK) Chợ Đồn	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

**ĐIỀU CHỈNH CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH
TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư đã giao	Chủ đầu tư sau điều chỉnh	Ghi chú
1	DỰ ÁN 4 - ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN			
	<i>Nội dung 4: Đầu tư cứng hóa đường đến trung tâm xã chưa được cứng hóa; ưu tiên đầu tư đối với các xã chưa có đường từ trung tâm huyện đến trung tâm xã, đường liên xã (từ trung tâm xã đến trung tâm xã)</i>			
1	Cải tạo, nâng cấp đường Quang Phong - Đồng Xá	UBND huyện Nà Rì	UBND xã Quang Phong	UBND xã Côn Minh sau sắp xếp
2	Đường Quảng Bạch - Bản Thi	UBND huyện Chợ Đồn	UBND xã Quảng Bạch	

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

DVT: Triệu đồng

TT	Tên dự án, công trình	Dự kiến thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (nếu có)			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Điều chỉnh				Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Tổng	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Giảm		Tăng		Tổng số	Trong đó:			
				Nguồn vốn ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		
	TỔNG					664.625	628.471	36.154	-32.370	-2.562	32.370	2.562	664.435	628.471	35.964		
A	TỈNH ĐIỀU HÀNH					445.896	421.361	24.535	-27.218	-2.207	32.370	2.372	451.213	426.513	24.700		
I	DỰ ÁN 1 - GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIẾU ĐẤT Ở, NHÀ Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT					126.092	121.865	4.227	-5.651	0	0	0	120.441	116.214	4.227		
	Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt					126.092	121.865	4.227	-5.651	0			120.441	116.214	4.227		
1	Dự án Cấp nước sinh hoạt tập trung vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Kạn năm 2022	2022-2025	1394/QĐ-UBND ngày 27/7/2022; số 577/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	66.561	63.566	2.995	66.561	63.566	2.995	-1.995			64.566	61.571	2.995	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT	
2	Dự án Cấp nước sinh hoạt tập trung vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Kạn năm 2023 - 2025	2023-2025	2586/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	59.531	58.299	1.232	59.531	58.299	1.232	-3.656			55.875	54.643	1.232	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT	
II	DỰ ÁN 2 - QUY HOẠCH, SẮP XẾP, BỐ TRÍ, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ Ở NHỮNG NƠI CẦN THIẾT			163.158	155.213	7.945	163.158	155.213	7.945	-19.131	-763		143.264	136.082	7.182		
1	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư tại chỗ xã Công Bằng, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn	2022-2024	2054/QĐ-UBND ngày 24/10/2022; 937/QĐ-UBND ngày 30/5/2024	10.000	9.500	500	10.000	9.500	500	-2.117			7.883	7.383	500	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT	
2	Dự án Bố trí, ổn định dân cư tại chỗ các thôn thuộc xã Thượng Quan, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn	2022-2024	2084/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	50.000	47.665	2.335	50.000	47.665	2.335	-2.500			47.500	45.165	2.335	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT	
3	Dự án bố trí ổn định dân cư tại chỗ thôn Nà Ngụoc và thôn Khau Lôm, xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới	2023-2025	1719/QĐ-UBND ngày 25/9/2023	12.500	11.800	700	12.500	11.800	700	-3.065	-540		8.895	8.735	160	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT	
4	Dự án bố trí ổn định dân cư tại chỗ các thôn thuộc xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn	2023-2025	1861/QĐ-UBND ngày 13/10/2023	37.615	35.733	1.882	37.615	35.733	1.882	-2.793	-18		34.804	32.940	1.864	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT	
5	Dự án bố trí ổn định dân cư tại chỗ thôn Đồng Dám, xã Hà Hiệu, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	2023-2025	2227/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	13.500	12.825	675	13.500	12.825	675	-2.254	-163		11.083	10.571	512	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT	
6	Dự án: Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Nà Hối, xã Phúc Lộc, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	2022-2025	635/QĐ-UBND ngày 12/4/2023	27.000	25.650	1.350	27.000	25.650	1.350	-5.723			21.277	19.927	1.350	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT	
7	Bố trí, ổn định dân cư tại chỗ các thôn thuộc xã Đồn Phong, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn	2023-2025	2236/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	12.543	12.040	503	12.543	12.040	503	-679	-42		11.822	11.361	461	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT	
III	DỰ ÁN 4 - ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN					83.408	74.533	8.875	-2.436	-1.364	0	0	79.608	72.097	7.511		
III.1	Nội dung số 02: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					18.442	17.520	922	-1.085	-140	0	0	17.217	16.435	782		
1	Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, chương trình MTQG phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2022	2022-2024	1962/QĐ-UBND ngày 13/10/2022	10.370	9.852	518	10.370	9.852	518	-418	-49		9.903	9.434	469	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	

TT	Tên dự án, công trình	Dự kiến thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (nếu có)				Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Điều chỉnh				Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Tổng	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Giảm		Tăng		Tổng số	Trong đó:			
					Nguồn vốn ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		
2	Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chương trình MTQG phát triển KT – XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2023-2025	2023-2025	870/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	8.072	7.668	404	8.072	7.668	404	-667	-91			7.314	7.001	313	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
III.2	Nội dung 3: Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị cho các trạm y tế xã đảm bảo đạt chuẩn						3.209	3.056	153	-511	-105	0	0	2.593	2.545	48		
I	Dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị cho các trạm y tế xã đảm bảo đạt chuẩn	2023-2025	1914/QĐ-UBND ngày 19/10/2023	3.209	3.056	153	3.209	3.056	153	-511	-105			2.593	2.545	48	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
III.3	Nội dung 4: Đầu tư cứng hóa đường đến trung tâm xã chưa được cứng hóa; ưu tiên đầu tư đối với các xã chưa có đường từ trung tâm huyện đến trung tâm xã, đường liên xã (từ trung tâm xã đến trung tâm xã)						61.757	53.957	7.800	-840	-1.119	0	0	59.798	53.117	6.681		
1	Cải tạo, nâng cấp đường Quang Phong - Đồng Xã	2022-2024	2005/QĐ-UBND ngày 19/10/2022	25.466	22.400	3.066	25.466	22.400	3.066		-604			24.862	22.400	2.462	UBND xã Quang Phong	UBND xã Côn Minh sau sắp xếp
2	Đường Yên Cư - Cao Kỳ	2023-2025	1066/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	24.240	21.078	3.162	24.240	21.078	3.162	-840	-211			23.189	20.238	2.951	Ban QLDA ĐTXD CTGT	
3	Đường liên xã Quang thuận huyện Bạch Thông - xã Mai Lạp Chợ Mới	2023-2025	967/QĐ-UBND ngày 05/6/2023	12.051	10.479	1.572	12.051	10.479	1.572		-304			11.747	10.479	1.268	Ban QLDA ĐTXD CTGT	
IV	DỰ ÁN 6: BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH						10.269	9.780	489	0	-80			10.189	9.780	409		
1	Đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử Đồi Khau Ma (thôn bản Yên) thuộc di tích lịch sử An toàn khu (ATK) Chợ Đồn	2023-2025	1084/QĐ-UBND ngày 29/5/2025	10.189	9.780	409	10.269	9.780	489		-80			10.189	9.780	409	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	
V	DỰ ÁN 7: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN, NÂNG CAO THỂ TRẠNG, TÂM VÓC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ; PHÒNG CHỐNG SUY DINH DƯỠNG TRẺ EM						62.969	59.970	2.999	0	0	32.370	2.372	97.711	92.340	5.371		
1	Trung tâm y tế huyện Ngân Sơn huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn	2022-2025	2035/QĐ-UBND ngày 21/10/2022; 1783/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	137.969	59.970	2.999	62.969	59.970	2.999		32.370	2.372	97.711	92.340	5.371	Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
B	PHÂN CẤP HUYỆN ĐIỀU HÀNH						218.729	207.110	11.619	-5.152	-355	0	190	213.222	201.958	11.264		
I	DỰ ÁN 1 - GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIẾU ĐẤT Ở, NHÀ Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT						21.513	19.290	2.223	-2.240	-232	0	190	19.041	17.050	1.991		
	Nội dung 1, 2, 3: Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất - phân cấp huyện điều hành						21.513	19.290	2.223	-2.240	-232	0	190	19.041	17.050	1.991		
1	Huyện Bạch Thông						9.254	8.430	824	-2.240	-232			6.782	6.190	592	UBND huyện Bạch Thông	
2	Huyện Na Rì						12.259	10.860	1.399				190	12.259	10.860	1.399	UBND huyện Na Rì	

TT	Tên dự án, công trình	Dự kiến thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (nếu có)			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Điều chỉnh				Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
				Tổng	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Giảm		Tăng		Tổng số	Trong đó:			
					Nguồn vốn ngân sách Trung ương	Đổi ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Ngân sách TW	Đổi ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW	Đổi ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW	Đổi ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Ngân sách TW			Đổi ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)
II	DỰ ÁN 4 - ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG VÙNG ĐỒNG BẢO DTTS&MN					195.216	185.920	9.296	-2.660	-110	0	0	192.446	183.260	9.186			
	Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu cùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã ĐBKK, thôn ĐBKK					195.216	185.920	9.296	-2.660	-110	0	0	192.446	183.260	9.186			
1	Huyện Chợ Mới					94.569	90.066	4.503	-627	-25			93.917	89.439	4.478	UBND Huyện Chợ Mới		
2	Huyện Bạch Thông					99.142	94.421	4.721	-1.553	-65			97.524	92.868	4.656	UBND huyện Bạch Thông		
3	Thành phố Bắc Kạn					1.505	1.433	72	-480	-20			1.005	953	52	UBND thành phố Bắc Kạn		
III	DỰ ÁN 10: TRUYỀN THÔNG, TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG TRONG VÙNG ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ, KIỂM TRA GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH					2.000	1.900	100	-252	-13	0	0	1.735	1.648	87			
	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi												0	0	0			
1	Huyện Chợ Đồn					2.000	1.900	100	-252	-13			1.735	1.648	87	UBND huyện Chợ Đồn		

BIỂU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

DVT: Triệu đồng

TT	ĐỊA PHƯƠNG	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Điều chỉnh				Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Tổng	Trong đó:		Giảm		Tăng		Tổng số	Trong đó:		
			NSTW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng	Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	
	TỔNG CỘNG (Nội dung thành phần số 2)	178.290	169.395	8.895	-6.274	-430	6.474	430	178.490	169.595	8.895	
	PHÂN CẤP HUYỆN ĐIỀU HÀNH	178.290	169.395	8.895	-6.274	-430	6.474	430	178.490	169.595	8.895	
1	Huyện Chợ Mới	54.341	51.474	2.867	-148	-6			54.187	51.326	2.861	
2	Huyện Bạch Thông	116.283	110.623	5.660	-5.455	-392			110.436	105.168	5.268	
3	Thành phố Bắc Kạn	7.666	7.298	368	-671	-32			6.963	6.627	336	
4	Dự phòng						6.474	430	6.904	6.474	430	